

**KẸP NỐI RỄ DẠNG CHỮ H****I. PHẠM VI ÁP DỤNG :**

Tiêu chuẩn này áp dụng cho kẹp nối rễ dạng chữ H dùng cho dây dẫn trên không.

**II. TIÊU CHUẨN :**

AS 1154 : Insulator and conductor fittings for overhead power lines.



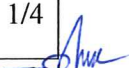
**III. MÔ TẢ :**

- Kẹp nối rễ dùng để nối rễ : dây đồng, dây nhôm hoặc dây nhôm lõi thép (ACSR).
- Kiểu : Dạng chữ H, loại ép bằng kèm thủy lực.
- Vật liệu cấu thành: hợp kim nhôm đồng nhất.
- Bên trong 02 rãnh của kẹp nối rễ phải được bôi một lớp electrical jointing compound chống oxy hoá.
- Cái nối rễ có 2 rãnh A và B với 2 kích cỡ sử dụng cho cỡ dây :

Loại	Rãnh A		Rãnh B	
	Tiết diện dây [mm <sup>2</sup> ]	Đường kính dây [mm]	Tiết diện dây [mm <sup>2</sup> ]	Đường kính dây [mm]
1	25-50	6,9-10	25-50	6,9-10
2	50-70	9,5-11,7	50-70	9,5-11,7
3	95	13,4-13,8	25-50	6,9-10
4	95		50-70	9,5-11,7
5	70-95	11,2-13,8	70-95	11,2-13,8
6	120-240	14,8-22,1	25-50	6,9-10
7	120-240		70-95	10,6-13,8
8	120-240		95-150	13,4-17,2
9	150-240	16,5-22,1	150-240	16,5-22,1

- Điện trở mỗi nối với dây dẫn của mỗi rãnh nối không vượt quá 75% điện trở của dây dẫn được nối có chiều dài tương đương .
- Trên bề mặt kẹp nối và hộp chứa kẹp phải có các ký hiệu sau :
  - + Tên nhà sản xuất
  - + Mã hiệu của kẹp nối rễ.
  - + Cỡ dây sử dụng [mm<sup>2</sup>]
  - + Các vị trí ép.
  - + Cỡ đai ép
- Dòng điện ổn định nhiệt tối thiểu trong 2 giây của kẹp nối rễ khi sử dụng với nhánh rễ là :
  - + Đối với dây nhôm lõi thép :

Loại	Dòng điện ổn định nhiệt trong 2 giây [KA]
1	5,2

Kiểm tra: 	<b>KẸP NỐI RỄ DẠNG CHỮ H</b>	
Duyệt: 	Ngày cập nhật: 16/10/2025	1/4 

2	7,3
3, 4, 5	9,9
6, 7, 8, 9	25

+ Đối với dây đồng : 104 x tiết diện dây đồng của nhánh rẽ lớn nhất

- Nhiệt độ ổn định khi kẹp nối rẽ mang dòng điện định mức : 90°C

Nhà thầu có thể chào các dạng nối khác đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong phần mô tả nêu trên và chứng minh sự tiện lợi, đơn giản trong lúc thi công lắp đặt.

#### IV. CÁC HẠNG MỤC THỬ NGHIỆM ĐIỂN HÌNH :

Việc thử nghiệm được thực hiện cho cả 2 loại dây nhôm lõi thép, dây đồng và cho các tiết diện dây tối thiểu và tối đa của từng rãnh dây :

- Thử chu kỳ nhiệt (\*)
- Thử ổn định nhiệt (\*)

(\*) : Các hạng mục thử nghiệm bắt buộc (Biên bản thử nghiệm điển hình phải được đính kèm theo hồ sơ chào hàng)

#### V. BẢNG TÓM TẮT CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT :

Stt	Mô tả	Yêu cầu	Chào thầu
1.	Hạng mục	Nhà thầu phát biểu	(*)
2.	Nhà sản xuất	Nhà thầu phát biểu	(*)
3.	Nơi sản xuất	Nhà thầu phát biểu	(*)
4.	Mã hiệu	Nhà thầu phát biểu	(*)
5.	Các yêu cầu kỹ thuật chung trình bày trong bản “YÊU CẦU KỸ THUẬT CHUNG”	Đáp ứng	(*)
6.	Tiêu chuẩn sản xuất và thử nghiệm	TCVN 3624 AS 1154	(**)
7.	Kẹp nối rẽ dùng để nối rẽ sử dụng cho dây đồng, dây nhôm hoặc dây nhôm lõi thép (ACSR)	Đáp ứng	(*)
8.	Kiểu	Dạng chữ H , loại ép bằng kèm thủy lực.	(*)
9.	Vật liệu cấu thành	Hợp kim nhôm đồng nhất	(*)
10.	Bên trong 02 rãnh của kẹp nối rẽ phải được bôi một lớp electrical jointing compound chống oxy hoá.	Đáp ứng	(*)
11.	Điện trở mỗi nối với dây dẫn của mỗi rãnh nối không vượt quá 75% điện trở của dây dẫn được nối có chiều dài tương đương .	Đáp ứng	(*)
12.	Trên bề mặt kẹp nối và hộp chứa kẹp phải có các ký hiệu sau : - Tên nhà sản xuất	Đáp ứng	(*)



Stt	Mô tả	Yêu cầu		Chào thầu
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã hiệu của kẹp nối rẽ</li> <li>- Cỡ dây sử dụng [mm<sup>2</sup>]</li> <li>- Các vị trí ép.</li> <li>- Cỡ đai ép</li> </ul>			
13.	Phạm vi nối của kẹp khi sử dụng kẹp nối rẽ cho nhánh dây nhôm lõi thép:	Tiết diện [mm <sup>2</sup> ]	đường kính [mm]	(*)
13.1	Phạm vi nối của kẹp loại 1: - Rãnh A - Rãnh B	25-50 25-50	6,9-10 6,9-10	
13.2	Phạm vi nối của kẹp loại 2: - Rãnh A - Rãnh B	50-70 50-70	9,5-11,7 9,5-11,7	
13.3	Phạm vi nối của kẹp loại 3: - Rãnh A - Rãnh B	95 25-50	13,4-13,8 6,9-10	
13.4	Phạm vi nối của kẹp loại 4: - Rãnh A - Rãnh B	95 50-70	13,4-13,8 9,5-11,7	
13.5	Phạm vi nối của kẹp loại 5: - Rãnh A - Rãnh B	70-95 70-95	11,2-13,8 11,2-13,8	
13.6	Phạm vi nối của kẹp loại 6: - Rãnh A - Rãnh B	120-240 25-50	14,8-22,1 6,9-10	
13.7	Phạm vi nối của kẹp loại 7: - Rãnh A - Rãnh B	120-240 70-95	14,8-22,1 10,6-13,8	
13.8	Phạm vi nối của kẹp loại 8: - Rãnh A - Rãnh B	120-240 95-150	14,8-22,1 13,4-17,2	
13.9	Phạm vi nối của kẹp loại 9: - Rãnh A - Rãnh B	150-240 150-240	16,5-22,1 16,5-22,1	
14.	Phạm vi nối của kẹp khi sử dụng kẹp nối rẽ có kích thước các rãnh đáp ứng yêu cầu như trong mục 13 (sử dụng cho dây nhôm lõi thép) cho nhánh rẽ là dây đồng: - <b>Rãnh A:</b> - <b>Rãnh B:</b>	Nhà thầu phải trình bày phạm vi nối của rãnh A [mm] và phạm vi nối của rãnh B [mm] cho loại kẹp sử dụng nối dây đồng		(*)
15.	Dòng điện ổn định nhiệt tối thiểu trong 2 giây của kẹp nối rẽ khi sử dụng với			(*)

Stt	Mô tả	Yêu cầu	Chào thầu
	nhánh rẽ là dây nhôm lõi thép : - Loại 1 - Loại 2 - Loại 3, 4, 5 - Loại 6, 7, 8, 9	5,2 kA 7,3 kA 9,9 kA 25 kA	
16.	Dòng điện ổn định nhiệt tối thiểu (A) trong 2 giây của kẹp nối rẽ khi sử dụng với nhánh rẽ là dây đồng	104 x tiết diện dây đồng của nhánh rẽ lớn nhất (Nhà thầu phải trình bày dòng điện ổn định nhiệt cho từng loại kẹp sử dụng nối dây đồng )	(*)
17.	Nhiệt độ ổn định khi kẹp nối rẽ mang dòng điện định mức	90 °C	(*)

(\*) : là các yêu cầu cơ bản

(\*\*) : là các yêu cầu không cơ bản